

Số: 271/STP-HCTP
V/v hướng dẫn nghiệp vụ chứng thực

Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Phòng Tư pháp huyện Quảng Điền

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 01/TP ngày 04/01/2024 của Phòng Tư pháp huyện Quảng Điền đề nghị hướng dẫn nghiệp vụ chứng thực chữ ký trong bản cam kết và chứng thực văn bản khai nhận di sản thừa kế theo pháp luật của bà Hoàng Thị Thúy, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Việc lập di chúc của bà Hoàng Thị Nga có đảm bảo theo quy định của pháp luật hay không

Do di chúc được lập năm 2004 nên xem xét các quy định của pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm lập di chúc, cụ thể như sau:

- Khoản 1 Điều 655 Bộ luật dân sự năm 1995 quy định:

“Di chúc được coi là hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) *Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép;*

b) *Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật.”*

- Điều 661 Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định thủ tục lập di chúc tại Công chứng nhà nước hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

“Việc lập di chúc tại Công chứng nhà nước hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải tuân theo thủ tục sau đây:

1- *Người lập di chúc tuyên bố nội dung của di chúc trước công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực phải ghi chép lại nội dung mà người lập di chúc đã tuyên bố. Người lập di chúc ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc sau khi xác nhận bản di chúc đã được ghi chép chính xác và thể hiện đúng ý chí của mình. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ký vào bản di chúc.*

2- *Trong trường hợp người lập di chúc không đọc được hoặc không nghe được bản di chúc, không ký hoặc không điểm chỉ được, thì phải nhờ người làm chứng và người này phải ký xác nhận trước mặt công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Công chứng viên, người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chứng nhận bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng”.*

- Khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai năm 2003 quy định:

“Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 110; khoản 2 và khoản 3 Điều 112; các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 113; khoản 2 Điều 115; điểm b khoản 1, các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều 119; điểm b khoản 1, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 120 của Luật này khi có các điều kiện sau đây:

- a) Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- b) Đất không có tranh chấp;
- c) Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;
- d) Trong thời hạn sử dụng đất.”

- Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực:

“1. Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền thực hiện các việc sau đây:

- a) Chứng thực chữ ký của công dân Việt Nam trong các giấy tờ phục vụ cho việc thực hiện các giao dịch dân sự ở trong nước;
- b) Chứng thực di chúc, văn bản từ chối nhận di sản;
- c) Các việc khác theo quy định của pháp luật.”

- Điều 43 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực:

“Lời chứng của người thực hiện công chứng, chứng thực phải ghi rõ: thời điểm giao kết hợp đồng, địa điểm công chứng, chứng thực, năng lực hành vi dân sự, chữ ký của các bên và nội dung thoả thuận của các bên, trừ trường hợp quy định tại Điều 49 của Nghị định này.”

- Điều 50 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực:

“1. Người lập di chúc phải tự mình yêu cầu việc công chứng, chứng thực di chúc; không công chứng, chứng thực di chúc thông qua người khác.

2. Trong trường hợp tính mạng bị cái chết đe dọa do bệnh tật hoặc nguyên nhân khác mà người lập di chúc không thể đến trụ sở của cơ quan nhà nước có thẩm quyền công chứng, chứng thực, thì việc công chứng, chứng thực di chúc được thực hiện tại chỗ ở hoặc nơi có mặt của người lập di chúc. Đối với việc lập di chúc mà tính mạng bị cái chết đe dọa, thì không nhất thiết phải xuất trình giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 41 của Nghị định này.

3. Người thực hiện công chứng, chứng thực phải xác định về trạng thái tinh thần của người lập di chúc.

Nếu nghi ngờ người lập di chúc bị bệnh tâm thần hoặc mắc các bệnh khác mà không thể nhận thức và làm chủ được hành vi của mình hoặc xét thấy việc lập di chúc có dấu hiệu bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép, thì người thực hiện công chứng, chứng thực không công chứng, chứng thực di chúc đó.

4. Việc công chứng, chứng thực di chúc liên quan đến bất động sản có thể được thực hiện tại bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền công chứng, chứng thực nào.

5. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc có thể được công chứng, chứng thực tại bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền công chứng, chứng thực nào.”

- Khoản 3 mục I Thông tư số 03/2001/TT-TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực:

“3. Việc điểm chỉ được thay thế cho việc ký trong các giấy tờ yêu cầu công chứng, chứng thực, nếu người yêu cầu công chứng, chứng thực không ký được do khuyết tật hoặc không biết ký.

Việc điểm chỉ cũng có thể được thực hiện đồng thời với việc ký trong các trường hợp sau đây:

a. Công chứng, chứng thực di chúc;

b. Theo đề nghị của người yêu cầu công chứng, chứng thực.

c. Theo yêu cầu của người thực hiện công chứng, chứng thực khi xem xét các giấy tờ xuất trình, nếu xét thấy chưa rõ ràng về nhận dạng người yêu cầu công chứng, chứng thực; người yêu cầu công chứng, chứng thực ít khi ký hoặc xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi cho người yêu cầu công chứng, chứng thực.

Khi điểm chỉ, người yêu cầu công chứng, chứng thực sử dụng ngón trỏ phải; nếu không thể điểm chỉ bằng ngón trỏ phải, thì điểm chỉ bằng ngón trỏ trái; trường hợp không thể điểm chỉ bằng hai ngón trỏ đó, thì điểm chỉ bằng ngón khác; sau khi điểm chỉ phải ghi rõ việc điểm chỉ đó bằng ngón nào, của bàn tay nào.

Hướng dẫn nêu trên cũng được áp dụng đối với việc điểm chỉ của người làm chứng.”

Qua xem xét Bản di chúc của bà Hoàng Thị Nga được lập ngày 25/9/2004, Sở Tư pháp thấy rằng Ủy ban nhân dân xã Quảng Phú đã thực hiện chứng thực di chúc cho bà Nga cơ bản phù hợp trình tự, thủ tục theo các quy định nêu trên.

2. Việc ông Hoàng Mạnh Thành và ông Hoàng Mạnh Chiến lập văn bản từ chối nhận di sản

- Điều 620 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“1. Người thừa kế có quyền từ chối nhận di sản, trừ trường hợp việc từ chối nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác.

2. Việc từ chối nhận di sản phải được lập thành văn bản và gửi đến người quản lý di sản, những người thừa kế khác, người được giao nhiệm vụ phân chia di sản để biết.

3. Việc từ chối nhận di sản phải được thể hiện trước thời điểm phân chia di sản.”

- Điều 59 Luật Công chứng quy định:

“Người thừa kế có thể yêu cầu công chứng văn bản từ chối nhận di sản. Khi yêu cầu công chứng văn bản từ chối nhận di sản, người yêu cầu công chứng phải xuất trình bản sao di chúc trong trường hợp thừa kế theo di chúc hoặc giấy tờ chứng minh quan hệ giữa người để lại di sản và người yêu cầu công chứng theo pháp luật về thừa kế; giấy chứng tử hoặc giấy tờ khác chứng minh người để lại di sản đã chết.”

Căn cứ quy định nêu trên thì ông Hoàng Mạnh Thạnh và ông Hoàng Mạnh Chiến có quyền từ chối nhận di sản (trừ trường hợp việc từ chối nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác).

3. Đối với việc chứng thực chữ ký tại bản cam kết khai nhận di sản thừa kế của bà Hoàng Thị Thúy

- Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, quy định:

“Người yêu cầu chứng thực chữ ký của mình phải xuất trình các giấy tờ sau đây:

a) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng;

b) Giấy tờ, văn bản mà mình sẽ ký”.

- Điều 25 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định những trường hợp không được chứng thực chữ ký:

“1. Tại thời điểm chứng thực, người yêu cầu chứng thực chữ ký không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình.

2. Người yêu cầu chứng thực chữ ký xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu không còn giá trị sử dụng hoặc giả mạo.

3. Giấy tờ, văn bản mà người yêu cầu chứng thực ký vào có nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 22 của Nghị định này.

4. Giấy tờ, văn bản có nội dung là hợp đồng, giao dịch, trừ các trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 24 của Nghị định này hoặc trường hợp pháp luật có quy định khác”.

Khi thực hiện thủ tục chứng thực chữ ký, người có thẩm quyền chứng thực không được bắt buộc người yêu cầu chứng thực phải nộp hoặc xuất trình thêm các giấy tờ ngoài những giấy tờ đã được quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP nêu trên.

Tuy nhiên, tại bản cam kết khai nhận di sản thừa kế của bà Hoàng Thị Thúy có nội dung: *“Nếu có người nào chứng minh được họ là người thừa kế được pháp luật công nhận và xác định được phần di sản mà họ được pháp luật công nhận thì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tôi cam đoan sẽ đem tài sản của mình để đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, không khiếu nại, khiếu kiện hoặc khởi kiện bất cứ nội dung nào về sau”.*

Việc xác định thừa kế theo pháp luật, thừa kế theo di chúc là do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật việc áp dụng các quy định cụ thể của pháp luật (thông qua thủ tục thỏa thuận phân chia di sản, khai

nhận di sản ... theo quy định tại Luật Công chứng; Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và các văn bản hướng dẫn thi hành). Như vậy, nội dung cam đoan nêu trên của bà Thúy là không phù hợp với các quy định về công chứng, chứng thực. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 25 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân xã Quảng Phú từ chối chứng thực chữ ký.

4. Văn bản khai di sản thừa kế theo pháp luật của bà Hoàng Thị Thúy có đúng quy định của pháp luật không

- Điều 651 Bộ luật Dân sự quy định:

“1. Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:

a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;

b) Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;

c) Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.

2. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.

3. Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế, nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản”.

- Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch quy định về nghĩa vụ, quyền của người thực hiện chứng thực:

“Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin cần thiết để xác minh tính hợp pháp của giấy tờ, văn bản yêu cầu chứng thực”.

- Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định:

“Người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.

Người thực hiện chứng thực có quyền từ chối chứng thực hợp đồng, giao dịch có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội”.

Theo giấy xác nhận nhân thân của Công an xã Quảng Phú thì bà Nga có chồng là ông Nguyễn Phong, sinh năm 1931 và tập kết ra Bắc từ năm 1954 hiện nay không rõ.

Do đó, trường hợp bà Nga khai nhận di sản thừa kế theo pháp luật thì Ủy ban nhân dân xã cần yêu cầu người dân cung cấp các thông tin cần thiết để xác minh thông tin về ông Nguyễn Phong; xem xét các quy định của pháp luật về đất đai và các văn bản pháp luật có liên quan để giải quyết hồ sơ hoặc từ chối giải quyết theo quy định.

Sở Tư pháp trả lời đề Phòng Tư pháp nghiên cứu, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Quảng Phú thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, HCTP.

**TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP**

Trần Ngọc Tuấn